

Bản án số: 435/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2020

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Thu Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Lệ
2. Bà Võ Thanh Nga

- Thư ký phiên tòa: Nguyễn Phan Quế Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 4 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 142/2020/TLST-HNGĐ ngày 26/5/2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 415/2020/QĐXXST-HN ngày 28/8/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm P, sinh năm 1985 (*vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt*);

Nơi cư trú: 13.03 Lô A chung cư B2 đường H, Phường Z, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1984 (*vắng mặt*).

Nơi cư trú: 407 chung cư K3, 360G đường B, Phường T, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/4/2020, các bản tự khai, các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải ngày 29/7/2020, ngày 25/8/2020 và ngày 28/9/2020 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm P trình bày:

Bà và ông Phạm Ngọc T chung sống có đăng ký kết hôn vào ngày 21/5/2013 tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai (Giấy chứng

nhận kết hôn số 55 quyền số 01/2013 do Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai cấp ngày 21/5/2013).

Thời gian chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không tìm được tiếng nói chung. Từ khi bà P mang thai và sinh con, ông T không quan tâm chăm sóc. Ông bà đã không còn sống chung từ tháng 01/2015 đến nay. Dù bà P đã nhiều lần chủ động muốn hàn gắn, hòa giải, cùng nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn nhưng không đạt được. Ông T không hợp tác và cũng bỏ mặc cho bà P ra ở riêng mà không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Ngọc T .

Về quan hệ con chung: Bà và ông Phạm Ngọc T có 01 con chung tên là Phạm Ngọc Q, sinh ngày 25/3/2014. Bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Bà xác định không có.

Về nợ chung: Bà xác định không có nợ chung.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị Cẩm P vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và có ý kiến trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với ông Phạm Ngọc T.

Bà Nguyễn Thị Cẩm P xác nhận có 01 con chung tên là Phạm Ngọc Q, sinh ngày 25/3/2014. Bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Bà xác định không có.

Về nợ chung: Bà xác định không có nợ chung.

Tòa án đã triệu tập, tổng đạt cho bị đơn theo quy định nhưng bị đơn ông Phạm Ngọc T vẫn không đến Tòa để cung cấp chứng cứ, không tham gia hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa hôm nay.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ án:

- Về hình thức: Thẩm phán tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, việc tiến hành tố tụng, triệu tập người tham gia tố tụng, thẩm quyền giải quyết đúng theo quy định; xác định tư cách đương sự đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Việc tiến hành thu thập chứng cứ, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát phù hợp quy định pháp luật, không vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

Đối với đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn ông Phạm Ngọc T không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và vắng mặt tại tất cả các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp

cận, công khai chứng cứ dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử chấp hành đúng theo các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp:

Ngày 27/4/2020, bà Nguyễn Thị Cẩm P khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Ngọc T đang cư trú tại địa chỉ số 407 chung cư K3, 360G đường B, Phường T, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa nhưng đều vắng mặt cả hai lần nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 55 quyền số 01/2013 do Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai cấp ngày 21/5/2013, có đủ cơ sở xác định bà Nguyễn Thị Cẩm P và ông Phạm Ngọc T là vợ chồng hợp pháp.

Ngày 03/02/2020, bà Nguyễn Thị Cẩm P khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Ngọc T, Tòa án nhân dân Quận 4 đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng ông Phạm Ngọc T không có mặt, cũng không có văn bản trình bày ý kiến mặc dù Tòa án nhân dân Quận 4 đã tiến hành thủ tục tổng đạt theo quy định cho thấy ông Phạm Ngọc T không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, không muốn hàn gắn tình cảm với bà Nguyễn Thị Cẩm P.

Theo lời khai của bà P thì bà và ông T bất đồng quan điểm sống, tính cách khác biệt, không thể hóa giải, chia sẻ những vấn đề trong cuộc sống. Từ khi bà P mang thai và sinh con, ông T không quan tâm chăm sóc. Ông bà đã không còn sống chung từ tháng 01/2015 đến nay. Dù bà P đã nhiều lần chủ động muốn hàn gắn, hòa giải, cùng nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn nhưng không đạt được. Ông T không hợp tác và cũng bỏ mặc cho bà P ra ở riêng mà không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Căn cứ kết quả xác minh Biên bản xác minh ngày 28/8/2020 tại Ủy ban nhân dân Phường T, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh thì: “Hiện tại, bà Nguyễn

Thị Cẩm P và ông Phạm Ngọc T không có chung sống với nhau tại địa phương; do bà P không có sinh sống tại địa phương.”

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Cẩm P.

2.2 Về con chung: Căn cứ vào Giấy khai sinh số 126, quyền số 01/2014 do Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai cấp ngày 05/05/2014 thì có đủ cơ sở xác định bà Nguyễn Thị Cẩm P và ông Phạm Ngọc T có một con chung họ, tên là Phạm Ngọc Q, sinh ngày 25/3/2014.

Bà Nguyễn Thị Cẩm P có nộp Hợp đồng lao động không xác định thời hạn giữa bà và Trung tâm Thông tin tin dụng Quốc gia Việt Nam và bảng sao kê 03 tháng tiền lương với thu nhập mỗi tháng của bà P khoảng 20.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Cẩm P trình bày hiện nay trẻ Phạm Ngọc Q đang đi học tại quận Tân Bình, đang ở cùng bà tại địa chỉ số 13.03 Lô A chung cư B2 đường H, Phường Z, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét thấy, bà P có nghề nghiệp, có thu nhập, nơi ở ổn định nên có đủ điều kiện và khả năng nuôi con nên chấp nhận yêu cầu của bà P, giao con chung là trẻ Phạm Ngọc Q, sinh ngày 25/3/2014 cho bà Nguyễn Thị Cẩm P trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Cẩm P không yêu cầu ông Phạm Ngọc T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Cẩm P xác định không có.

- Về nghĩa vụ chung vợ chồng: Bà Nguyễn Thị Cẩm P xác định không có.

[3] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm P.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Cẩm P được ly hôn với ông

Phạm Ngọc T (Giấy chứng nhận kết hôn số 55 quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai cấp ngày 21/5/2013).

1.2 Về con chung: Có 01 (một) con chung họ tên là Phạm Ngọc Q, sinh ngày 25/3/2014.

Giao con chung là trẻ Phạm Ngọc Q, sinh ngày 25/3/2014 cho bà Nguyễn Thị Cẩm P trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Cẩm P không yêu cầu ông Phạm Ngọc T cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phạm Ngọc T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3 Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Cẩm P xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4 Về nghĩa vụ chung vợ chồng: Bà Nguyễn Thị Cẩm P xác định không có.

2. Về án phí dân sự: Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình bà Nguyễn Thị Cẩm P phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà bà Nguyễn Thị Cẩm P đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0035538 ngày 13/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Cẩm P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bà Nguyễn Thị Cẩm P và ông Phạm Ngọc T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 4;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Thi hành án Dân sự Quận 4;
- Ủy ban nhân dân P.01, Quận 4;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lâm Thị Thu Lan

